

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**  
**TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 929 /QĐ-QLKTTW ngày 20 / 10 /2014  
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)*

**Hà Nội, tháng 10 năm 2014**

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**  
**TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**  
*(Ban hành theo quyết định số 929/QĐ-QLKTTW ngày 20 tháng 10 năm 2014*  
*của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh gồm các quy định về: tuyển sinh; tổ chức và nội dung đào tạo; nghiên cứu luận án và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Đối tượng điều chỉnh gồm: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến đào tạo tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

**Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học, có năng lực thực hành phù hợp với thực tiễn và hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển.

**Điều 3. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục, đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh (NCS) không theo học tập trung liên tục, thì đối với người có bằng thạc sĩ thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ là 4 năm, đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 5 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng học tập và nghiên cứu tập trung liên tục tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (gọi tắt là Viện).

**CHƯƠNG II**

**TUYỂN SINH**

**Điều 4. Thời gian, hình thức và chuyên ngành tuyển sinh**

1. Thời gian tuyển sinh: Viện tổ chức 1 đến 2 lần tuyển sinh một năm.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Chuyên ngành đào tạo:

a) Kinh tế phát triển - Mã số: 62 31 01 05

b) Quản lý kinh tế - Mã số: 62 34 04 10

**Điều 5. Điều kiện dự tuyển**

1. Điều kiện văn bằng

a) Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tốt nghiệp trên 7,0), chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

c) Người dự tuyển phải có bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Thạc sĩ là chuyên ngành đúng hoặc chuyên ngành gần, chuyên ngành phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo do Viện quy định.

d) Ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp, gần và khác

- Hai ngành đào tạo đại học được coi là ngành đúng khi có mã số (hoặc tên gọi) trùng nhau; được coi là ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau dưới 20%; được coi là ngành gần khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 20 đến 50%; được coi là ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 50%.

- Hai chuyên ngành đào tạo thạc sĩ được coi là chuyên ngành đúng khi có mã số (hoặc tên gọi) trùng nhau; được coi là chuyên ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau dưới 20%; được coi là chuyên ngành gần khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 20 đến 30%; được coi là chuyên ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 30%.

2. Kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học

Có ít nhất hai bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được quy định của Viện với nội dung phù hợp với hướng dự định nghiên cứu quy định tại khoản 3 sau đây.

3. Nội dung bài luận về dự định nghiên cứu gồm những điểm chính sau:

- a) Tên đề tài hoặc hướng nghiên cứu;
- b) Lý do lựa chọn đề tài, hướng nghiên cứu;
- c) Mục tiêu và mong muốn đạt được;
- d) Phương pháp nghiên cứu khoa học;
- đ) Kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết về lĩnh vực nghiên cứu;
- e) Lý do chọn Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế làm nghiên cứu sinh;
- g) Đề xuất người hướng dẫn;
- h) Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo;
- i) Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Có thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh khoa học giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành. Những người giới thiệu trên có ít nhất 6 tháng công tác trong lĩnh vực chuyên môn của người dự tuyển hoặc cùng làm việc với người dự tuyển.

Thư giới thiệu phải đề cập đầy đủ về: nhận xét, đánh giá năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;

- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ người dự tuyển làm nghiên cứu sinh.

5. Trình độ ngoại ngữ:

Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục 1;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

Căn cứ yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định ngoại ngữ đối với từng chuyên ngành.

6. Giới thiệu dự tuyển hoặc xác nhận nhân thân:

a) Công văn của cơ quan quản lý nhân sự hoặc Trường/Viện nơi sinh viên vừa tốt nghiệp;

b) Người chưa đi làm tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế...lấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú.

7. Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính theo quy chế của Viện.

8. Bản sao giấy khai sinh.

9. Giấy khám sức khỏe của Trung tâm y tế cấp quận/huyện trở lên.

10. 06 ảnh 3x4 (nền trắng) và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ liên hệ.

**Điều 6. Thông báo tuyển sinh**

1. Hàng năm Viện thực hiện tuyển sinh nghiên cứu sinh từ 1 đến 2 lần/năm. Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 8 hàng năm.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Viện, trang web của Viện, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ: [duatin@moet.edu.vn](mailto:duatin@moet.edu.vn)) và các phương tiện thông tin đại chúng khác với các nội dung:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh và các chuyên ngành đào tạo;

b) Yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh và thời gian nhận hồ sơ;

c) Thời gian xét tuyển, công bố kết quả xét tuyển và nhập học;

d). Các yêu cầu thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển chọn.

**Điều 7. Hội đồng tuyển sinh**

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các Ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng là Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng do Viện trưởng ủy quyền;

b) Ủy viên thường trực: là Giám đốc hoặc Phó giám đốc Trung tâm Tư vấn Quản lý và Đào tạo;

c) Các Ủy viên là thành viên các tổ bộ môn: Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế và Phòng đào tạo thuộc Trung tâm Tư vấn Quản lý và Đào tạo.

Những người có người thân thuộc hàng thừa kế thứ nhất, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột... của người dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển, công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kết quả tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;

b) Quyết định thành lập Ban Thư ký, các Ban chuyên môn giúp việc cho Hội đồng.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên thường trực và các Ủy viên: Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc xét tuyển và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tuyển sinh.

5) Hội đồng tuyển sinh được sử dụng con dấu của Viện vào các văn bản của Hội đồng.

#### **Điều 8. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Thành phần Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm: Trưởng ban là Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh và các ủy viên do Viện trưởng quyết định.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thư ký:

a) Nhận và xử lý hồ sơ dự tuyển, thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh dự tuyển gửi tới Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá của các Ban chuyên môn xét tuyển, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển;

3. Trách nhiệm của Trưởng ban thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công việc của Ban thư ký.

#### **Điều 9. Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Căn cứ hồ sơ, chuyên ngành dự tuyển và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng tổ bộ môn chuyên ngành đề xuất thành lập Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh gồm 5 thành viên có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của bộ môn chuyên ngành Kinh tế Phát triển, Quản lý Kinh tế và thành viên mời từ cơ sở đào tạo khác khi cần. Thành phần Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh gồm có Trưởng ban và các Ủy viên.

3) Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có trách nhiệm tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu đề tài luận án và trao đổi, xếp loại thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình và không tuyển; gửi kết quả về Ban thư ký tổng hợp để báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

#### **Điều 10. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

Ban chuyên môn xét tuyển đánh giá hồ sơ dự tuyển trên cơ sở:

1. Xem xét kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; ý kiến nhận xét đánh giá thí sinh trong hai thư giới thiệu.

2. Nghe thí sinh trình bày bài luận về hướng nghiên cứu luận án và kế hoạch thực hiện. Đánh giá tính phù hợp của hướng nghiên cứu so với chuyên ngành “Kinh tế Phát triển” hoặc “Quản lý Kinh tế”.

3. Đặt câu hỏi với thí sinh để làm rõ những vấn đề liên quan đến hướng nghiên cứu luận án của thí sinh

4. Đưa ra nhận xét, phân loại thí sinh bằng văn bản theo điểm từ cao xuống thấp. Kết quả xét tuyển được chuyển về Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh.

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh kiểm tra lại hồ sơ của thí sinh đã được Ban chuyên môn đánh giá, cho điểm, tập hợp và chuyển kết quả đánh giá về Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển.

#### **Điều 11. Triệu tập thí sinh trúng tuyển**

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được phê duyệt, Viện gửi giấy gọi nhập học đến thí sinh trúng tuyển.

2. Sau khi thí sinh trúng tuyển nhập học chính thức, Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

### **CHƯƠNG III**

#### **CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 12. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh những kiến thức nền tảng, vững chắc về học thuyết, lý luận chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện bằng tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học là Giáo sư, phó Giáo sư và Tiến sĩ.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

- a) Phần 1: Các học phần bổ sung;
- b) Phần 2: Học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;
- c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

### **Điều 13. Các học phần bổ sung**

Nhằm giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, cụ thể đối với từng đối tượng nghiên cứu sinh như sau:

1. Trường hợp nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ thì nghiên cứu sinh sẽ phải hoàn thành các học phần và luận văn ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được thực hiện trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 36 đến 44 tín chỉ. Các học phần, luận văn và số lượng tín chỉ ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành “Kinh tế Phát triển” và “Quản lý Kinh tế” được quy định cụ thể ở Mục 4, Điều này.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ:

a) Những nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ thuộc chuyên ngành đúng với chuyên ngành “Kinh tế Phát triển” hoặc “Quản lý Kinh tế” trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi tốt nghiệp đến khi dự tuyển đào tạo tiến sĩ tại Viện thì không phải học bổ sung các học phần ở trình độ thạc sĩ quy định tại Mục 5, Điều này

b) Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ gần với chuyên ngành “Kinh tế Phát triển” hoặc “Quản lý Kinh tế” đã được cấp từ 5 năm trở lên thì Người hướng dẫn khoa học của nghiên cứu sinh và Tổ bộ môn chuyên ngành đối chiếu các học phần đã học ở trình độ thạc sĩ của nghiên cứu sinh với các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ quy định tại Mục 5, Điều này để xác định những học phần cụ thể mà nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

3. Trường hợp chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần quan trọng ở trình độ đại học và có ảnh hưởng tới việc đào tạo trình độ tiến sĩ thì Người hướng dẫn khoa học và Tổ bộ môn chuyên ngành yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung những học phần quan trọng ở trình độ Đại học.

4. Các học phần ở trình độ thạc sĩ và số lượng tín chỉ từng học phần đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ quy định tại Mục 1 Điều này bao gồm:

**a) Đối với chuyên ngành “Kinh tế Phát triển”:**

STT	Học phần	Số tín chỉ	Nơi học
<b>I. Kiến thức chung : 2 học phần</b>		<b>6 TC</b>	
1	Triết học	4	Đại học KTQD
2	Các chuyên đề phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Đại học KTQD
<b>II. Kiến thức cơ sở: 9 học phần</b>		<b>20 TC</b>	
<i>Trong đó 5 học phần bắt buộc</i>		<i>12 TC</i>	
1	Kinh tế học	3	Đại học KTQD
2	Kinh tế lượng và Phân tích dữ liệu	3	Đại học KTQD
3	Thống kê kinh tế	2	Đại học KTQD
4	Kinh tế quốc tế	2	Đại học KTQD
5	Kinh tế phát triển	2	Đại học KTQD

<b>4 học phần tự chọn trong số các học phần sau</b>		<b>8 TC</b>	
1	An sinh xã hội	2	Đại học KTQD
2	Tài chính quốc tế	2	Đại học KTQD
3	Hệ thống thông tin quản lý	2	Đại học KTQD
4	Phân tích chính sách kinh tế	2	Đại học KTQD
5	Tài chính- Ngân hàng và sự phát triển	2	Đại học KTQD
6	Kinh tế đầu tư	2	Đại học KTQD
7	Kinh tế thương mại dịch vụ	2	Đại học KTQD
8	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	Đại học KTQD
9	Kinh tế nguồn nhân lực	2	Đại học KTQD
<b>III. Kiến thức chuyên ngành “Kinh tế phát triển”: 4 học phần 8 TC</b>			
<b>Trong đó 2 học phần bắt buộc</b>			
1	Kinh tế phát triển	2	Đại học KTQD
2	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	2	Đại học KTQD
<b>2 học phần tự chọn trong số sau</b>		<b>4</b>	
1	Hệ thống tài khóa quốc gia	2	Đại học KTQD
2	Kế hoạch hóa phát triển	2	Đại học KTQD
3	Kinh tế công cộng II	2	Đại học KTQD
4	Chiến lược phát triển kinh tế xã hội	2	Đại học KTQD
<b>IV.</b>	<b>Luận văn</b>	<b>10</b>	Đại học KTQD

**Tổng số tín chỉ NCS cần hoàn thành 44**

**b) Đối với chuyên ngành “ Quản lý Kinh tế”:**

STT	Học phần	Số tín chỉ	Nơi học
<b>I. Kiến thức chung : 2 học phần</b>		<b>6 TC</b>	
1	Triết học	4	Đại học KTQD
2	Các chuyên đề phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Đại học KTQD
<b>II. Kiến thức cơ sở : 9 học phần</b>		<b>20 TC</b>	
<b>Trong đó 5 học phần bắt buộc</b>		<b>12 TC</b>	
1	Kinh tế học	3	Đại học KTQD
2	Kinh tế lượng và Phân tích dữ liệu	3	Đại học KTQD
3	Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế	2	Đại học KTQD
4	Kinh tế và quản lý môi trường	2	Đại học KTQD
5	Kinh tế phát triển	2	Đại học KTQD
<b>4 học phần tự chọn trong số các học phần sau</b>		<b>8 TC</b>	
1	Hệ thống thông tin quản lý	2	Đại học KTQD
2	Kỹ năng quản lý	2	Đại học KTQD
3	Quản lý chương trình và dự án	2	Đại học KTQD
4	Quản lý nguồn nhân lực	2	Đại học KTQD



5	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	2	Đại học KTQD
6	Công cụ và chính sách môi trường	2	Đại học KTQD
7	Kinh tế phát triển nông thôn	2	Đại học KTQD
8	Kinh tế quốc tế	2	Đại học KTQD
9	Phân tích chính sách	2	Đại học KTQD
10	Kinh tế thương mại dịch vụ	2	Đại học KTQD
<b>III. Kiến thức chuyên ngành “Quản lý Kinh tế”: 4 học phần 8 TC</b>			
<i>Trong đó 2 học phần bắt buộc</i>		<i>4 TC</i>	
1	Quản lý tổ chức	2	Đại học KTQD
2	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	2	Đại học KTQD
<i>2 học phần tự chọn trong số các học phần sau</i>		<i>4 TC</i>	
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý	2	Đại học KTQD
2	Phương pháp lượng trong quản lý	2	Đại học KTQD
3	Quản lý sự thay đổi	2	Đại học KTQD
4	Quản lý dự án	2	Đại học KTQD
5	Kỹ năng quản lý	2	Đại học KTQD
<b>IV</b>	<b>Luận văn</b>	<b>10 TC</b>	

**Tổng số tín chỉ NCS cần hoàn thành 44**

5. Các học phần ở trình độ thạc sĩ và số lượng tín chỉ từng học phần đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ, nhưng phải học bổ sung học phần ở trình độ thạc sĩ theo quy định tại Điểm b, Mục 2 Điều này, bao gồm

**a) Đối với chuyên ngành “Kinh tế Phát triển”**

STT	Học phần	Số tín chỉ	Nơi học
<b>I. Kiến thức chung : 2 học phần</b>		<b>6 TC</b>	
1	Triết học	4	Đại học KTQD
2	Các chuyên đề phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Đại học KTQD
<b>II. Kiến thức cơ sở: 2 học phần</b>		<b>6 TC</b>	
1	Kinh tế lượng và Phân tích dữ liệu	3	Đại học KTQD
2	Kinh tế học	3	Đại học KTQD
<b>III. Kiến thức chuyên ngành “Kinh tế phát triển”: 2 học phần 4 TC</b>			
1	Dự báo phát triển kinh tế	2	Đại học KTQD
2	Kinh tế phát triển	2	Đại học KTQD

**Tổng số tín chỉ NCS phải hoàn thành 16**

**b) Đối với chuyên ngành “Quản lý Kinh tế”:**

STT	Học phần	Số tín chỉ	Nơi học
<b>I. Kiến thức chung : 2 học phần</b>		<b>6 TC</b>	
1	Triết học	4	Đại học KTQD

2	Các chuyên đề phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Đại học KTQD
<b>II. Kiến thức cơ sở: 2 học phần 5 TC</b>			
1	Kinh tế lượng và Phân tích dữ liệu	3	Đại học KTQD
2	Vai trò nhà nước trong nền kinh tế	2	Đại học KTQD
<b>III. Kiến thức chuyên ngành “Quản lý Kinh tế”: 2 học phần 4 TC</b>			
1	Quản lý tổ chức	2	Đại học KTQD
2	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	2	Đại học KTQD

**Tổng số tín chỉ NCS phải hoàn thành 15**

**Điều 14. Học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

1. Các học phần trình độ tiến sĩ có ý nghĩa giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học. Mỗi học phần có khối lượng 2 tín chỉ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm “bắt buộc” và “tự chọn” áp dụng chung cho cả hai chuyên ngành “Kinh tế Phát triển” và “Quản lý Kinh tế”.

Các học phần bắt buộc liên quan đến phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học; kiến thức cơ bản về “kinh tế phát triển và quản lý kinh tế” ở trình độ cao;

Các học phần tự chọn có nội dung liên quan tới đề tài tiến sĩ và giúp nghiên cứu sinh hiểu rõ cách tiếp cận nghiên cứu đề tài luận án

3. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 5 học phần tiến sĩ, trong đó có 3 học phần “bắt buộc” và 2 học phần “tự chọn” với khối lượng 10 tín chỉ.

4. Các học phần bắt buộc và tự chọn trình độ tiến sĩ do cán bộ nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương biên soạn và giảng dạy bao gồm:

**a. Các học phần bắt buộc**

TT	Các học phần	Số tín chỉ	Địa điểm học
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
2	Kinh tế phát triển	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
3	Quản lý kinh tế	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW

**b. Các học phần tự chọn gồm:**

TT	Các học phần	Số tín chỉ	Địa điểm học
1	Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
2	Dự báo kinh tế - xã hội	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
3	Quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
4	Một số vấn đề về năng lực cạnh tranh quốc gia	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
5	Quản lý theo kết quả-cách tiếp cận mới trong quản lý Nhà nước	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
6	Phát triển thị trường Tài chính	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW

	ở Việt Nam		
7	Quản trị công ty cổ phần	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
8	Xây dựng và phân tích chính sách phát triển NN, NT	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
9	Quản lý Đầu tư và Mua sắm công	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW
10	Xu hướng và các vấn đề của thị trường lao động Việt Nam	2	Viện Nghiên cứu QLKTTW

## 5. Chuyên đề tiến sĩ

a) Chuyên đề tiến sĩ là công trình nghiên cứu giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ, mỗi chuyên đề 2 tín chỉ.

b) Yêu cầu về chuyên đề tiến sĩ:

- Tên chuyên đề do nghiên cứu sinh tự xác định phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án dưới sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn;

- Hình thức chuyên đề được trình bày như một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, gồm: lời mở đầu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, các giải pháp đề xuất và kết luận.

Mỗi chuyên đề có từ 40 - 50 trang A4, đóng bìa mềm, ngoài nội dung chính có mục lục các nội dung, phụ lục (nếu có) và tài liệu tham khảo; trình bày các tiêu mục, tên bảng biểu, đồ thị và định dạng, cỡ chữ theo quy định về trình bày luận án tiến sĩ.

- Kết quả nghiên cứu chuyên đề được trình bày trước Hội đồng đánh giá chuyên đề do Viện trưởng quyết định thành lập.

## 6. Bài tiểu luận tổng quan

a) Là công trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Trong tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong nước và nước ngoài liên quan đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết.

b) Nội dung gồm: Tổng hợp những nghiên cứu về lý thuyết (kinh điển, mới) đã được công bố và ứng dụng vào thực tiễn liên quan tới đề tài luận án; đánh giá và rút ra những mặt ưu điểm, hạn chế về lý thuyết, những khoảng trống của tri thức trong lý thuyết so với thực tiễn cần được nghiên cứu để bổ sung vào lý thuyết; những hạn chế về phương pháp tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học; đề xuất ý tưởng mới, phương pháp tiếp cận, phương pháp nghiên cứu phù hợp cần áp dụng để nghiên cứu đề tài luận án.

c) Hình thức trình bày: theo hình thức báo cáo khoa học, có số lượng khoảng 20 trang, trong đó có: Trang bìa, mục lục, mở đầu, các nội dung nghiên cứu, kết luận và

tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có); định dạng văn bản và cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, đồ thị...tuân thủ theo quy định về trình bày của luận án tiến sĩ.

7. Trình tự đánh giá chuyên đề và tiểu luận tổng quan

- Chủ tịch Hội đồng đánh giá chuyên đề và tiểu luận tổng quan tuyên bố lý do và nội dung cần đánh giá;

- Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu chuyên đề;

- Hai thành viên đọc bản nhận xét kết quả nghiên cứu chuyên đề của nghiên cứu sinh;

- Các thành viên khác trong Hội đồng và đại biểu tham dự thảo luận và đặt câu hỏi để nghiên cứu sinh trả lời, làm rõ những nội dung đã nghiên cứu của từng chuyên đề và tiểu luận tổng quan;

- Căn cứ chất lượng trình bày chuyên đề, năng lực trả lời câu hỏi của nghiên cứu sinh từng thành viên Hội đồng đánh giá chuyên đề cho điểm từng chuyên đề và tiểu luận tổng quan theo thang điểm 10 và theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí đánh giá chuyên đề bao gồm:

<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa: 10</b>
1. Tính cấp thiết của chuyên đề	
2. Phương pháp nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu	
3. Ý nghĩa khoa học của chuyên đề	
4. Cập nhật kiến thức mới từ thực tiễn	
5. Kết quả nghiên cứu	
6. Hướng giải quyết từ kết quả nghiên cứu	
<b>Điểm bình quân</b>	

- Tiêu chí đánh giá tiểu luận tổng quan bao gồm:

<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa: 10</b>
1. Tổng hợp nghiên cứu về lý thuyết trong nước và nước ngoài	
2. Những ưu điểm của lý thuyết	
3. Những mặt hạn chế của lý thuyết	
4. Những hạn chế về phương pháp nghiên cứu	
5. Đề xuất những ý tưởng mới cần nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu	
<b>Điểm bình quân</b>	

- Điểm đánh giá bình quân đạt từ 5,0 trở lên thì chuyên đề và tiểu luận tổng quan được xem là đạt yêu cầu. Trường hợp thấp hơn 5,0 thì chuyên đề, tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu và nghiên cứu sinh sẽ phải trình bày lại trước Hội đồng đánh giá, thời gian trình bày lại tối đa sau 2 tháng kể từ ngày đánh giá lần thứ nhất;

- Kết quả đánh giá chuyên đề, tiểu luận tổng quan và biên bản đánh giá được gửi về Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo.

8. Thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề và tiểu luận tổng quan

- Tổ trưởng bộ môn đề xuất từ 3 đến 5 thành viên là các cán bộ khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ, am hiểu sâu sắc về chuyên

ngành, lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh để Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

- Chủ tịch và thư ký Hội đồng đánh giá chuyên đề là cán bộ khoa học của Viện, các Ủy viên khác của Hội đồng có thể là cán bộ khoa học của Viện, hoặc được mời từ các cơ sở đào tạo khác.

### **Điều 15. Nghiên cứu khoa học**

1. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu là “Kinh tế phát triển” hay “Quản lý kinh tế”, Tổ bộ môn chuyên ngành đặt ra các yêu cầu về:

- Nội dung nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;

- Nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động nghiên cứu, hội thảo khoa học ở cấp Tổ bộ môn và cấp Viện giúp nghiên cứu sinh trau dồi, tích lũy kiến thức, phát huy sáng tạo trong nghiên cứu khoa học để có tri thức mới.

2. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ, Tổ bộ môn chuyên ngành, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy chế về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Các Tổ bộ môn chuyên ngành và giáo viên hướng dẫn có trách nhiệm hỗ trợ nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

4. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không hoàn thành trong thời gian dự kiến, nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu trong thời hạn cho phép.

### **Điều 16. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo của nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn kinh tế - xã hội.

### **Điều 17. Tổ chức giảng dạy, đánh giá ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ**

1. Sau khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ vào văn bằng và các học phần của nghiên cứu sinh đã đạt ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và Tổ bộ môn chuyên ngành sẽ đề xuất các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ có ý nghĩa thiết thực với việc nghiên cứu đề tài luận án của nghiên cứu sinh để trình Viện trưởng phê duyệt.

2. Trung tâm Tư vấn Quản lý và Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức cho nghiên cứu sinh học và thi các môn theo đề xuất của Người hướng dẫn và Tổ bộ môn.

3. Trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, Nghiên cứu sinh cần hoàn thành các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ theo Điều 13 Quy chế này.

4. Những nghiên cứu sinh có kết quả một trong những học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu sẽ phải dừng học tập, nghiên cứu và

chấm dứt là nghiên cứu sinh tại Viện. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

5. Các Tổ bộ môn có nhiệm vụ định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo, trình Viện trưởng xem xét, quyết định.

#### **Điều 18. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án**

1. Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 1 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2 quy định tại Phụ lục 1.

b) Có một trong các văn bằng quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 5 của Quy chế này.

#### **Điều 19. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Thay đổi đề tài luận án: Việc thay đổi đề tài luận án chỉ được phép thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo và không làm thay đổi hướng nghiên cứu. Viện trưởng quyết định cho phép nghiên cứu sinh thay đổi tên đề tài luận án căn cứ vào đơn đề nghị của nghiên cứu sinh, ý kiến đồng ý của người hướng dẫn và ý kiến của Tổ bộ môn.

2. Bổ sung, thay đổi người hướng dẫn. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn chỉ được phép thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án với các điều kiện sau.

a) Nghiên cứu sinh có đơn đề nghị bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn và được sự chấp thuận của Tổ bộ môn và của người hướng dẫn;

b) Người hướng dẫn được bổ sung hoặc thay thế phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 21 Quy chế này về người hướng dẫn.

3. Thay đổi nơi đào tạo. Nghiên cứu sinh có thể chuyển từ Viện sang cơ sở đào tạo khác và chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến Viện với các điều kiện sau:

a) Đối với nghiên cứu sinh chuyển đi

- Thời gian nghiên cứu trong hạn còn từ 1 năm trở lên tính từ ngày ký Quyết định công nhận nghiên cứu sinh;

- Có lý do chính đáng về việc chuyển cơ sở đào tạo;

- Được những người hướng dẫn, Tổ bộ môn chuyên ngành chấp thuận;

- Được cơ sở đào tạo nơi dự định chuyển đến đồng ý tiếp nhận.

b) Đối với nghiên cứu sinh chuyển đến

- Chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Viện;

- Đáp ứng đúng điều kiện về hồ sơ tuyển nghiên cứu sinh của Viện, có đầy đủ các văn bằng đại học, thạc sĩ, kết quả học tập tại cơ sở đào tạo chuyển đi;

- Thời gian đào tạo còn lại còn từ một năm trở lên tính từ ngày ký Quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo nơi dự định chuyển đi;

- Được sự đồng ý bằng văn bản của cơ sở đào tạo dự kiến chuyển đi;

- Được Tổ bộ môn của Viện đồng ý tiếp nhận, đề xuất người hướng dẫn khoa học và được người đề xuất hướng dẫn khoa học đồng ý nhận hướng dẫn.

4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy chế, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và được đề nghị đưa lấy ý kiến của 02 phản biện kín và đánh giá ở Hội đồng chấm luận án cấp viện.

5. Các điều kiện kéo dài thời gian nghiên cứu

a) Chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn nghiên cứu sinh phải làm đơn xin phép gia hạn học tập và có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn và đơn vị cử đi học (nếu có).

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành các học phần theo kế hoạch, có kết quả đánh giá tiêu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ đạt yêu cầu theo quy chế này.

c) Đảm bảo trong phạm vi thời gian kéo dài sẽ hoàn thành luận án và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo yêu cầu của Viện do kéo dài.

d) Thời gian kéo dài tối đa không quá 24 tháng, quá thời gian này nếu nghiên cứu sinh vẫn không hoàn thành luận án sẽ bị đình chỉ nghiên cứu và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

6. Bảo vệ luận án trước thời hạn. Khi nghiên cứu sinh hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo và nội dung cơ bản của luận án đã được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, nghiên cứu sinh có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án. Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và Trưởng bộ môn xem xét, quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ sớm luận án căn cứ vào kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh và đề nghị của người hướng dẫn.

7. Thông báo kết quả đào tạo nghiên cứu sinh

a) Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian kéo dài, nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả trường hợp nghiên cứu sinh bảo vệ sớm luận án trước thời hạn), Viện trưởng có văn bản thông báo cho nghiên cứu sinh và đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết về kết quả học tập, nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện.

b) Đối với nghiên cứu sinh không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu khoa học, không hoàn thành luận án tiến sĩ theo thời gian quy định (kể cả thời gian kéo dài), Viện trưởng có văn bản thông báo cho nghiên cứu sinh và đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học về tình trạng không hoàn thành luận án và quyết định chấm dứt đào tạo nghiên cứu sinh.

8. Nghiên cứu sinh trở lại Viện để bảo vệ luận án: Khi hết thời gian đào tạo mà luận án chưa hoàn thành, nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại viện trình luận án để bảo vệ. Thời gian tối đa cho phép trình lại luận án để

bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu. Trong trường hợp này để bảo vệ luận án nghiên cứu sinh phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành chương trình học tập theo kế hoạch và có kết quả đánh giá tiêu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ đạt yêu cầu theo quy chế này;

b) Luận án tiến sĩ đã hoàn thành và kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được Người hướng dẫn, Tổ bộ môn và Viện trưởng đồng ý cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

#### **Điều 20. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

Giảng viên giảng dạy chương trình trình độ tiến sĩ tại Viện phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn và đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở việc công bố các bài báo, công trình khoa học trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
4. Có năng lực, kỹ năng giảng dạy, truyền đạt và giải đáp những kiến thức chuyên môn khoa học cho nghiên cứu sinh.

#### **Điều 21. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 20 của Quy chế này và các điều kiện sau:

- a) Có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm;
- b) Có bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm gần nhất;
- c) Có tên trong danh sách cán bộ hướng dẫn nghiên cứu sinh của Viện theo hai chuyên ngành “Kinh tế phát triển” và “Quản lý kinh tế” vào năm tuyển sinh;
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đặt ra trong đề tài luận án;
- đ) Sử dụng tốt tiếng Anh phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;
- e) Có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- g) Tại thời điểm nhận nghiên cứu sinh mới không thuộc đối tượng phải tạm dừng nhận nghiên cứu sinh theo quy chế tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá hai người cùng hướng dẫn. Trường hợp nghiên cứu sinh có hai người hướng dẫn thì:

- a) Người hướng dẫn thứ nhất (hướng dẫn chính) phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ từ tròn 3 năm trở lên và chịu trách nhiệm chính về hướng



dẫn nghiên cứu, phương pháp luận, phạm vi chuyên môn và tính sáng tạo, tính khả thi của đề tài luận án;

b) Người hướng dẫn thứ hai: cùng người hướng dẫn thứ nhất giúp nghiên cứu sinh xác định hướng nghiên cứu, phương pháp luận, phạm vi chuyên môn và tính sáng tạo, tính khả thi của đề tài luận án. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu, thực hiện các chuyên đề, tiểu luận tổng quan và thực hiện luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

3. Cán bộ nghiên cứu trong viện là Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu được Viện trưởng chấp thuận. Trong trường hợp này người hướng dẫn nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm toàn bộ những nội dung quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 8 Điều 19 của Quy chế này.

5. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới. Khi có đến ba nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án mà không có lý do chính đáng sẽ không được nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh trong thời gian ít nhất là 2 năm.

#### **Điều 22. Nhiệm vụ của Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
2. Xác định các học phần cần thiết trong Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan cho nghiên cứu sinh để đề xuất với Tổ bộ môn trình Viện trưởng quyết định;
3. Cùng nghiên cứu sinh lập kế hoạch học tập, nghiên cứu tuần, tháng, quý, năm của nghiên cứu sinh. Trực tiếp làm việc, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học cùng nghiên cứu sinh, giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu;
4. Giúp nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo các chuyên đề theo yêu cầu và kế hoạch làm việc của Tổ bộ môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu để tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học;
5. Định kỳ 6 tháng có nhận xét về tình hình học tập, tiến độ nghiên cứu của nghiên cứu sinh gửi về Phòng đào tạo, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo;
6. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh trước bảo vệ cấp Cơ sở và bảo vệ cấp

Viện, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu của quy chế này.

### **Điều 23. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh**

1. Trong quá trình đào tạo tiến sĩ, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của Tổ bộ môn đã lựa chọn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch, kết quả học tập, nghiên cứu với Tổ bộ môn.

2. Nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của Tổ bộ môn; hoàn thành ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập thuộc danh mục tạp chí do Viện quy định; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu với người hướng dẫn và Tổ bộ môn theo lịch do Tổ bộ môn quy định, ít nhất 4 lần trong năm.

3. Nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học tại Viện theo sự phân công của Tổ bộ môn.

4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho Tổ bộ môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình của năm trước bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, những phát hiện mới trong nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu cá nhân trong năm học mới để Tổ bộ môn xem xét, đánh giá.

5. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các cá nhân và tổ chức khoa học.

### **Điều 24. Trách nhiệm của Tổ bộ môn**

1. Đề xuất thành phần Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh để Viện trưởng ra quyết định thành lập và tổ chức để Ban chuyên môn đánh giá hồ sơ dự tuyển về năng lực, tư chất của thí sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh trình Viện quyết định tuyển chọn;

2. Xem xét và thông qua các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch học tập của nghiên cứu sinh;

3. Tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học định kỳ ít nhất 3 tháng một lần để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học trong tổ;

4. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn; lịch của Tổ bộ môn để nghe nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần một năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của

nghiên cứu sinh và đề nghị Viện trưởng quyết định việc tiếp tục hay dừng học tập đối với từng nghiên cứu sinh;

5. Liên hệ và giúp nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu tại các tạp chí do Viện quy định;

6. Đề nghị Viện trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo theo nguyện vọng của nghiên cứu sinh và theo quy định tại Điều 19 Quy chế này;

7. Triển khai các biện pháp quản lý nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Viện trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời gửi báo cáo này đến Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh (nếu có);

8. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp cơ sở, đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn để đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

9. Xem xét luận án, đề nghị hoặc hoãn đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

1. Xây dựng, ban hành và sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo tiến sĩ;

2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Viện theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy cho nghiên cứu sinh theo chuyên ngành đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo;

4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được phê duyệt và theo quy định tại Chương II của Quy chế này;

5. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh;

6. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt;

7. Cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ khoa học của viện;

8. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài;

9. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế này. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh;

10. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong

thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo quy chế này;

11. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế. Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập của Viện;

12. Xây dựng trang web và công bố công khai, cập nhật trên trang web toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ;

13. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển;

b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của cơ sở, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau;

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh bảo vệ trong hai tháng vừa qua;

d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo trong thời gian từ sau lần báo cáo trước;

- Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng;

- Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu Quy chế này;

- Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ.

đ) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo. Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được bảo quản và lưu trữ đến khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành;

14. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại Viện.

15. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

## CHƯƠNG IV

### LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

#### **Điều 26. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án tiến sĩ**

##### 1. Luận án tiến sĩ

a) Do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu quy định tại Điều 16 của Quy chế này. Phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải cam đoan danh dự về trách nhiệm cá nhân đối với công trình khoa học của mình.

b) Hình thức trình bày: rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, sơ đồ, đồ thị, đóng bìa cứng, in chữ nhũ vàng bằng tiếng Việt Nam, có dấu, không viết tắt và cân đối ở giữa trang. Định dạng trang văn bản, cách viết tắt, cách trình bày tài liệu tham khảo và trích dẫn, phụ lục của luận án theo quy định của Viện. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

c) Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và các chương sau:

- Phần mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được trong nước và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giải thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các công trình công kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

- Phụ lục (nếu có).

##### 2. Tóm tắt luận án tiến sĩ

a) Là công trình ngắn gọn, trung thực về kết cấu, bố cục và nội dung của luận án; chỉ rõ lý do, mục tiêu nghiên cứu của luận án; phương pháp nghiên cứu của luận án; tóm tắt cơ sở lý luận và chỉ ra những điểm mới và hạn chế của luận án; kết luận của luận án.

b) Hình thức: trình bày rõ ràng, sạch sẽ, mạch lạc và không được tẩy xóa. Số thứ tự các bảng biểu, đồ thị, hình vẽ phải có cùng số như trong luận án; trình bày trong 24 trang in trên hai mặt giấy với kích thước 140 x 210 mm (khổ A4 gấp đôi); ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Về định dạng văn bản, mục, tiểu mục, bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, phương trình, viết tắt, cách trình bày tài liệu tham khảo và trích dẫn, phụ lục của tóm tắt luận án theo quy định của Viện.

3. Đảm bảo tuân thủ quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ quy định tại Luật sở hữu trí tuệ;

4. Nếu là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể, trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Viện các văn bản của tập thể thành viên đồng ý cho phép sử dụng công trình này vào luận án tiến sĩ;

5. Việc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn nguồn tác giả và tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ;

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án;

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải đã được công bố tại các hội nghị khoa học do Viện tổ chức, trong đó có ít nhất hai bài báo được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập. Các tạp chí khoa học trong nước thuộc nhóm các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đánh giá điểm công trình đến 1 điểm, đồng thời thuộc danh mục các tạp chí khoa học mà các Tổ bộ môn đã quy định cho chuyên ngành đào tạo.

### **Điều 27. Đánh giá và bảo vệ luận án**

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp

a) Cấp tổ bộ môn (cơ sở);

b) Cấp viện.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập quy định tại các Điều 13, 14, 15 và 16 của Quy chế này trong thời gian quy định;

b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 26 của Quy chế này;

c) Tập thể người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở cấp cơ sở và cấp viện;

d) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Viện trưởng quyết định việc cho phép luận án của từng chuyên ngành đào tạo được đưa ra bảo vệ ở cấp tổ bộ môn và cấp viện.

### **Điều 28. Đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn**

1. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 26 của Quy chế này, Trưởng tổ bộ môn chuyên ngành đề nghị Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học, chuyên gia ở ngoài Viện. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai đến ba phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm thành viên phản biện trong Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng đánh giá ít nhất 15 ngày trước ngày tổ chức họp đánh giá luận án. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi đến dự phiên họp Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn là một buổi sinh hoạt khoa học của Tổ bộ môn, các thành viên Tổ bộ môn và những người quan tâm có thể tham dự. Phiên họp được tổ chức trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp viện. Hội đồng đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn tổ chức từ một đến nhiều phiên họp tùy theo mức độ hoàn chỉnh của luận án và những nội dung cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp tổ bộ môn phải nhận xét sâu sắc, chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và định hướng cho nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung luận án;

6. Luận án chỉ được thông qua Hội đồng đánh giá cấp tổ bộ môn để đưa lấy ý kiến của phản biện độc lập và đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp viện khi đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ ba phần tư số thành viên tham dự Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành;

7. Hội đồng đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề đã đề cập trong luận án, trong đó số lượng cá nhân đang làm việc tại Viện không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi lấy ý kiến nhận xét tóm tắt luận án và trình Viện trưởng quyết định danh sách;

8. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án

của nghiên cứu sinh.

### **Điều 29. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện**

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn, Trưởng tổ bộ môn lập hồ sơ gửi Viện trưởng đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án cấp viện.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp tổ bộ môn có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa;

c) Hai bản nhận xét của hai người phản biện luận án;

d) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi lấy ý kiến tóm tắt luận án;

đ) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);

e) Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh;

g) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

i) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu công trình có đồng tác giả);

k) Toàn văn luận án và tóm tắt luận án;

l) Trang thông tin về những đóng góp mới về học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên nghiên cứu sinh và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị và tên người hướng dẫn; tên đầy đủ Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh.

m) Danh sách 15 nhà khoa học tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện do Tổ bộ môn đề nghị theo sự giới thiệu của các nhà khoa học trong Tổ bộ môn chuyên ngành.

### **Điều 30. Phản biện độc lập**

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện, Viện trưởng chọn và lấy ý kiến nhận xét của hai phản biện độc lập về kết quả luận án. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho việc luận án đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện đưa ra bảo vệ ở Hội đồng chấm luận án cấp viện.

2. Danh sách phản biện độc lập được coi là tài liệu mật của Viện. Các thành viên Tổ bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản



biện độc lập. Các phản biện độc lập được Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương lựa chọn có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành nhận xét luận án hay trong thời gian tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

3. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện trưởng gửi luận án xin ý kiến nhận xét, bình luận của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp viện.

4. Luận án sẽ bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba cũng không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến nhận xét thứ ba. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại luận án đã chỉnh sửa để bảo vệ tại Hội đồng cấp viện sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 2 năm, kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án đã sửa chữa được lấy ý kiến của các phản biện độc lập như lần đầu.

5. Điều kiện đối với phản biện độc lập:

a) Là nhà khoa học trong nước hoặc nước ngoài có chức danh giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, chính kiến và bản lĩnh khoa học cao.

c) Có lý lịch khoa học rõ ràng, được cập nhật các thông tin về hoạt động khoa học và được quản lý tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

d) Không có quan hệ họ hàng, thân thích với nghiên cứu sinh, không phải là người lãnh đạo hoặc là cấp dưới của nghiên cứu sinh và không là cán bộ nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

6. Nội dung nhận xét, đánh giá luận án của phản biện độc lập

a) Tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn của đề tài;

b) Tính hợp lý và độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu;

c) Sự phù hợp của đề tài luận án đối với chuyên ngành đào tạo;

d) Giá trị khoa học và những đóng góp mới về lý thuyết đối với chuyên ngành của luận án và ứng dụng trong thực tiễn;

đ) Những điểm trùng lặp của luận án với những đề tài khác đã được nghiên cứu;

e) Tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn, sử dụng tài liệu và kế thừa những giá trị khoa học của tài liệu đã được công bố;

g) Những hạn chế, thiếu sót về nội dung, hình thức của luận án và định hướng bổ sung, chỉnh sửa;

h) Chất lượng các công trình khoa học liên quan đến luận án đã được công bố;

i) Cho ý kiến kết luận “đồng ý” hay “không đồng ý” để luận án được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá viện.

7. Yêu cầu về trách nhiệm bảo mật

a) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp viện của nghiên cứu sinh, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo xem xét hồ sơ, hình thức luận án, nếu đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 26 Quy chế này sẽ làm tờ trình đề nghị Viện trưởng phê duyệt và ký công văn gửi luận án tới phản biện độc lập lấy nhận xét, đánh giá;

b) Hồ sơ gửi phản biện gồm: Giấy mời của Viện trưởng xin ý kiến nhận xét của phản biện độc lập, toàn văn bản luận án, tóm tắt luận án, các bài nghiên cứu khoa học, trang thông tin về những đóng góp mới của luận án;

c) Các công việc liên quan đến quá trình lấy ý kiến các phản biện độc lập phải được bảo mật. Nếu do sơ xuất dẫn đến nghiên cứu sinh biết người phản biện độc lập luận án của mình, thì những cá nhân tham gia quá trình này phải chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và pháp luật;

d) Trong vòng 2 tháng, phản biện độc lập phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản về Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo. Quá thời hạn trên, nếu không nhận được ý kiến nhận xét của phản biện độc lập, Viện sẽ gửi lấy ý kiến nhận xét của các phản biện độc lập khác;

đ) Thời gian tối đa là 3 tháng gửi lấy ý kiến nhận xét, nghiên cứu sinh sẽ nhận kết quả nhận xét của hai phản biện độc lập;

e) Nghiên cứu sinh phải chỉnh sửa luận án theo nhận xét và yêu cầu của hai phản biện độc lập và có bản giải trình kết quả chỉnh sửa luận án có xác nhận của Người hướng dẫn khoa học và Trưởng tổ bộ môn gửi về Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo để đưa vào hồ sơ thủ tục bảo vệ luận án cấp viện.

### **Điều 31. Đánh giá luận án cấp Viện**

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp viện gồm 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng ba năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 4 người; thành viên là tiến sĩ tham gia Hội đồng phải sau nhận bằng tròn ba năm. Số thành viên Hội đồng là cán bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương không quá ba người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học mà luận án đề cập. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không sinh hoạt cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng,

con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không được tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

4. Trách nhiệm các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

a) Chủ tịch Hội đồng điều hành các công việc đánh giá luận án, kết luận những điểm mới về mặt lý luận, những hạn chế và những điểm cần bổ sung, chỉnh sửa của luận án, đọc nghị quyết của Hội đồng và tham gia bỏ phiếu kín tán thành hay không tán thành nghiên cứu sinh đạt học vị tiến sĩ.

b) Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị bản tổng hợp các nhận xét của thành viên Hội đồng và các nhận xét tóm tắt luận án, dự thảo nghị quyết của Hội đồng, đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh, đọc bản tổng hợp nhận xét luận án của thành viên Hội đồng không phải là phản biện và của tổ chức, cá nhân nhận xét tóm tắt luận án, đọc nhận xét luận án trước Hội đồng, đưa ra các câu hỏi để nghiên cứu sinh trả lời và tham gia bỏ phiếu kín tán thành hay không tán thành nghiên cứu sinh đạt học vị tiến sĩ.

c) Phản biện đọc nhận xét cá nhân luận án trước Hội đồng, đưa ra các câu hỏi để nghiên cứu sinh trả lời và tham gia bỏ phiếu kín tán thành hay không tán thành nghiên cứu sinh đạt học vị tiến sĩ.

d) Các ủy viên phát biểu ý kiến nhận xét cá nhân về luận án trước Hội đồng và đưa ra các câu hỏi để nghiên cứu sinh trả lời và tham gia bỏ phiếu kín tán thành hay không tán thành nghiên cứu sinh đạt học vị tiến sĩ.

5. Yêu cầu đối với các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

a) Trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận được luận án, tóm tắt luận án, công trình khoa học liên quan của nghiên cứu sinh, các thành viên Hội đồng phải có nhận xét bằng văn bản về luận án gửi đến Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

b) Sau khi có đầy đủ bản nhận xét của bảy thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng thống nhất với các thành viên về thời gian tổ chức phiên họp đánh giá luận án, thư ký Hội đồng thông báo bằng văn bản đến Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo trước 5 ngày bảo vệ luận án;

**Điều 32. Điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện.**

1. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực để thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cấp viện.

2. Các yêu cầu phải được thực hiện trong đánh giá luận án cấp Viện.

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án phải được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, báo địa phương hoặc Trung ương trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày, trừ các luận án bảo vệ mật;

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Viện trưởng phê duyệt và trưng bày ở phòng đọc của Thư viện ít nhất 30 ngày trước ngày Hội đồng họp đánh giá;

Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông

tin những đóng góp mới về học thuật, lý luận, luận điểm khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của viện và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét luận án bằng văn bản gửi đến Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh;

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ về bố cục, hình thức luận án; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án.

đ) Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 20 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án và nhận xét của tất cả các thành viên hội đồng đánh giá luận án.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;

b) Vắng mặt thư ký hội đồng;

c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;

d) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

e) Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

4. Viện trưởng quyết định việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và với lý do bất khả kháng (như đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện, yêu cầu tại quy chế này). Thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

5. Trong thời hạn tối đa ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 8 Điều 19 và khoản 2 Điều 27 Quy chế này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án được thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện lần đầu. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

### **Điều 33. Tổ chức bảo vệ luận án**

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 35 của Quy chế này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, tính nguyên tắc khoa học, tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm.

2. Chương trình làm việc của bảo vệ luận án

a) Thư ký Hội đồng tuyên bố lý do và đọc Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện của nghiên cứu sinh;

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt và chương trình làm việc của Hội đồng;

c) Thư ký Hội đồng công bố lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện theo quy chế mà nghiên cứu sinh đã đáp ứng để được bảo vệ luận án;

d) Các thành viên Hội đồng, những người tham dự nêu câu hỏi làm rõ lý lịch khoa học, quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh;

đ) Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt nội dung luận án trong thời gian 30 phút;

e) Các phản biện đọc bản nhận xét đánh giá luận án, Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp nội dung cơ bản các bản nhận xét luận án của thành viên không phải là phản biện và của các tổ chức, cá nhân nhận xét tóm tắt luận án;

g) Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và biện luận lại các ý kiến không đồng tình được nêu ra trong các bản nhận xét luận án, tóm tắt luận án của các nhà khoa học, các tổ chức khoa học;

h) Thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu thêm câu hỏi để đánh giá trình độ của nghiên cứu sinh sau khi nghe nghiên cứu sinh trả lời;

i) Đại diện tập thể người hướng dẫn phát biểu ý kiến nhận xét về quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

k) Hội đồng đánh giá luận án họp kín, bầu Ban kiểm phiếu để bỏ phiếu, thảo luận thông qua nghị quyết đánh giá luận án;

l) Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu, Chủ tịch đọc nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án;

m) Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến và Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp bảo vệ luận án tiến sĩ.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể thành viên Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

3. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

4. Nghị quyết về kết quả đánh giá luận án bao gồm các nội dung:
- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng;
  - b) Những kết luận khoa học về điểm mới, đóng góp mới của luận án;
  - c) Độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
  - d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu đã đạt được trong luận án;
  - đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
  - e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của công trình luận án;
  - g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho thư viện Quốc gia Việt Nam;
  - h) Kiến nghị của Hội đồng về công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Nghị quyết của Hội đồng phải được nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai của các thành viên tham gia đánh giá luận án.

5. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo Nghị quyết của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận vào văn bản báo cáo sửa chữa, bổ sung của nghiên cứu sinh để lưu tại Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

#### **Điều 34. Bảo vệ lại luận án cấp Viện**

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp viện thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai là Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Viện trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ lại.

#### **Điều 35. Bảo vệ luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đặc biệt nếu đề tài nghiên cứu liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật nhà nước thì Thủ trưởng Bộ, Ngành liên quan có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xác định tính chất mật của luận án ngay từ khi bắt đầu triển khai để làm cơ sở xem xét luận án được bảo vệ theo chế độ mật và quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến nghiên cứu, thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét bảo vệ luận án theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá cấp cơ sở. Viện trưởng phải lập báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trước khi tổ chức bảo vệ luận án theo chế độ mật.

2. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp viện, danh sách các

cán bộ ngoài Hội đồng tham dự, danh sách những đơn vị và cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó xem xét và thông qua.

3. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương không thông báo công khai về buổi bảo vệ trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án công khai.

4. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định đúng theo đối tượng được gửi và phải đóng dấu mật. Hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định đối với nghiên cứu sinh bình thường.

## CHƯƠNG V

### THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

#### **Điều 36. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Cuối các tháng chẵn trong năm, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách các nghiên cứu sinh đã bảo vệ trong hai tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của từng nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Bản sao quyết định của Viện trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Tổ bộ môn và cấp Viện;

b) Bản sao biên bản và nghị quyết của từng Hội đồng đánh giá luận án;

c) Bản sao nhận xét của các phản biện độc lập;

d) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của các luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

đ) Tóm tắt luận án.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của Viện để thẩm định;

b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của Viện. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Viện, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo về những trường hợp luận án cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

a) Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quy chế này;

b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu

ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 10 của Quy chế này;

c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp viện của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này;

d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Quy chế này và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

đ) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 3 Điều 39 của Quy chế này;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy chế này.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy nhiệm Viện trưởng có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 37. Hội đồng thẩm định luận án**

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng đánh giá luận án cấp viện của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa



học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. Người hướng dẫn không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp viện với sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Viện trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

### **Điều 38. Xử lý kết quả thẩm định**

1. Đối với luận án đạt yêu cầu khi thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa, thì Hội đồng đánh giá luận án cấp viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Viện trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Quy chế này.

2. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định:

a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Điều 34 của Quy chế này.

b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

4. Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Quy chế này.

5. Nếu có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm Viện trưởng sẽ quyết định dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Viện trưởng phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả khắc phục với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

### **Điều 39. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ**

1. Cơ sở đào tạo lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp viện;

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp viện, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 của Quy chế này (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Quy chế này.

Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 36, khoản 3 Điều 37 của Quy chế này;

d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa), kể cả các luận án bảo vệ theo chế độ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Bản luận án nộp các thư viện gồm hai phần:

a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của

Hội đồng đánh giá luận án cấp viện (nếu có);

b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp viện, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện và danh sách thành viên Hội đồng;

- Bản nhận xét luận án của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện;

- Bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng, những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;

b) Nghị quyết của Hội đồng đánh giá;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;

g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);

i) Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Hồ sơ này phải được lưu trữ lâu dài tại Viện.

#### **Điều 40. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Hồ sơ xem xét để tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của luận án không phải thẩm định và hồ sơ của luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 37 của Quy chế này.

2. Viện trưởng có trách nhiệm tổ chức cuộc họp với các Tổ bộ môn để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

## **CHƯƠNG VI**

### **KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 41. Khiếu nại, tố cáo**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Trường hợp cần thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 9 Điều 36 và Điều 37 của Quy chế này.

#### **Điều 42. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm dừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 23 Quy chế này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án.

3. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

4. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 25, Điều 26 của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

### **CHƯƠNG VII**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 43. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Viện đảm bảo cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất cho hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ như khoản 7 Điều 25.

2. Giám đốc Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, Tổ trưởng Tổ bộ môn Quản lý kinh tế, Kinh tế phát triển đảm bảo quản lý tổ chức đào tạo theo đúng Quy chế này.

3. Nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

4. Hàng năm Quy chế có thể được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới và theo Quyết định của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

## PHẦN PHỤ LỤC

### Phụ lục 1:

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG  
ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU  
(Để xét trình độ ngoại ngữ khi dự tuyển và khi tốt nghiệp)**

<b>Cấp độ (CEFR)</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL</b>	<b>TOEIC</b>	<b>Cambridge Exam</b>	<b>BEC</b>	<b>BULATS</b>
<b>B1</b>	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
<b>B2</b>	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm số tối thiểu cần đạt được)